

Gia Lâm, ngày 05 tháng 06 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 05 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 17/01/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc về phân phối hàng hóa,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Công ty Cổ phần E;

Trụ sở: Cụm dân cư N, xã D, huyện G, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần E là:

Ông LEE JAE EUN; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần E là:

- Bà Đinh Thị Vĩ; chức vụ: Trưởng phòng pháp chế.

Theo Giấy ủy quyền số 01/2019/E ngày 01/01/2019.

- Bà Nguyễn Quỳnh Trang; Chức vụ: Nhân viên pháp chế.

- Bà Đỗ Thị Lệ Quyên; Chức vụ Phó phòng bán hàng.

Theo Giấy ủy quyền số 05/2020/E ngày 20/5/2020.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Tiến Vt, sinh năm 1971;

ĐKKHKT: Số X phố H, phường C, quận H, thành phố H.

Nơi cư trú: Số Y phố L, quận H, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận Hợp đồng nguyên tắc về phân phối hàng hóa số HĐ 2016/AG-028 ngày 15/6/2016 được ký kết giữa Chi nhánh Công ty cổ phần E và ông Nguyễn Tiến V là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Các bên xác nhận mức lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng nguyên tắc về phân phối hàng hóa số HĐ 2016/AG/EVE-028 ngày 15/6/2016, ông Nguyễn Tiến V phải chịu lãi suất chậm trả là: 0,06%/ ngày/ tổng số công nợ kể từ ngày chấm dứt hợp đồng đến ngày Đại lý thực thanh toán đầy đủ cho công ty, tương ứng 21,9%/1 năm là vượt quá lãi suất 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, các bên thống nhất thỏa thuận mức lãi suất chậm trả được tính bằng 20%/1 năm/số tiền nợ gốc ông Nguyễn Tiến V chưa trả cho Công ty Cổ phần E kể từ ngày 01/11/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên.

2.3. Tính đến ngày 27/5/2020, ông Nguyễn Tiến V còn nợ và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần E với tổng số tiền là 461.425.507 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm linh bảy đồng), trong đó:

+ Nợ gốc chưa trả: 316.104.124 đồng (Ba trăm mười sáu triệu, một trăm linh tư ngàn, một trăm hai mươi tư đồng);

+ Lãi chậm trả tính đến ngày 27/5/2020 là: 145.321.293 đồng (Một trăm mười chín triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, một trăm ba mươi hai đồng).

2.4. Ông Nguyễn Tiến V tiếp tục phải chịu mức lãi suất 20%/1 năm/số tiền nợ gốc chưa trả cho Công ty Cổ phần E theo quy định tại khoản 1 Điều 468

Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày 28/5/2020 cho đến khi ông Nguyễn Tiến V thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần E.

2.5. Trường hợp ông Nguyễn Tiến V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Cổ phần E, thì Công ty Cổ phần E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp ông Nguyễn Tiến V để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2.6. Về án phí sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tiến V chịu 11.228.000 (Mười một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần E 8.535.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần E đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005047 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng